

**Viet Tin**

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office: No.39A, 4th street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, HCM City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 13879.2409/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.2057/45512408
Mã số mẫu/ Sample code: 45512408-1
Trang/ Page: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY TNHH XUÂN LỘC KONTUM
Địa chỉ/ Address : Thôn Kon Jơ Dri, Xã Đăk Rơ Wa, Thành phố Kon Tum, Kon Tum
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 29/08/2024 Ngày phân tích/ Date of analysis: 29/08-05/09/2024
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 06/09/2024
Loại mẫu/ Kind of sample : Thực phẩm Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 1 mẫu
Tên mẫu/ Name of sample : SATE ỚT
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong hũ thủy tinh

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1	Năng lượng	TCVN 7088: 2015	666	Kcal/100g
2	Protein (*)	TCVN 10034: 2013 (ISO 1871: 2009)	4,55	g/100g
3	Carbohydrat	SOP.01-445:2022 (Ref.AOAC 986.25)	23,2	g/100g
4	Béo tổng (*)	SOP.01-194:2021 (Ref.FAO FOOD 14/7, page.214)	61,7	g/100g
5	Natri (Na) (*)	SOP.01-173:2020 (Ref.AOAC 969.23)	306	mg/100g
6	Đường tổng (*)	SOP.01-122:2020 (Ref.TCVN 4594: 1988)	6,05	g/100g
7	Béo bão hòa	SOP.01-416:2022 (Ref.AOAC 996.06)	20,6	g/100g
8	Arsenic (As) (*)	AOAC 986.15	Không phát hiện (LOD = 0,05)	mg/kg
9	Thủy ngân (Hg) (*)	AOAC 974.14	Không phát hiện (LOD = 0,015)	mg/kg
10	Cadmi (Cd) (*)	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD = 0,0015)	mg/kg
11	Chì (Pb) (*)	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD = 0,01)	mg/kg
12	Aflatoxin B1 (*)	SOP.01-362:2022 (Ref.AOAC 991.31)	Không phát hiện (LOD = 0,2)	µg/kg
13	Aflatoxin B1,B2,G1,G2 (*)	SOP.01-362:2022 (Ref.AOAC 991.31)	Không phát hiện (LOD = 0,5)	µg/kg
14	Ochratoxin A (*)	SOP.01-363:2022 (Ref.AOAC 2004.10)	Không phát hiện (LOD = 0,2)	µg/kg





CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office: No.39A, 4th street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, HCM City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 13879.2409/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.2057/45512408
Mã số mẫu/ Sample code: 45512408-1
Trang/ Page: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
15	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013/ Amd1:2022)	4,0x10 ¹	CFU/g
16	Coliforms (*)	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	< 10	CFU/g
17	<i>Escherichia coli</i> (*)	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	< 10	CFU/g
18	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	AOAC 975.55	< 10	CFU/g
19	<i>Salmonella</i> (*)	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017/Amd1:2020)	Không phát hiện	trong 25g
20	Tổng số nấm men nấm mốc (*)	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	< 10	CFU/g

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



ThS. Nguyễn Văn Tâm



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office: No.39A, 4th street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, HCM City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktelviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 13879.2409/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.2057/45512408
Mã số mẫu/ Sample code: 45512408-1
Trang/ Page: 3/ 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Giá trị dinh dưỡng tính trong 100g

		% Giá trị hàng ngày*
Năng lượng	666 Kcal	
Chất đạm	4.55g	9%
Carbohydrate	23.2g	7%
Đường tổng số	6.05g	
Chất béo	61.7g	110%
Chất béo bão hòa	20.6g	103%
Natri	306mg	15%

* Giá trị hàng ngày (%) cho biết một chất dinh dưỡng trong khẩu phần thực phẩm đóng góp bao nhiêu vào chế độ ăn hàng ngày. 2.000 Kcal mỗi ngày được sử dụng để đưa ra các khuyến nghị dinh dưỡng chung.